

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2018/DS-PT

Ngày: 30-8-2018

V/v tranh chấp: “Mở lối đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện

Bà Lưu Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Mở lối đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Văn M1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp LT, xã L, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2018)

- Bị đơn: Lương Thị N1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Lương Văn M2, sinh năm 1980 (có mặt);

Trú tại: ấp LQ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lương Văn M, sinh năm 1980;
2. Lâm Kim N2, sinh năm 1980 (có mặt);
Cùng địa chỉ: ấp LQ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
3. Đào Văn L, sinh năm 1960 (có văn bản xin vắng mặt);
4. Đào Thị Phương D, sinh năm 1996 (có văn bản xin vắng mặt);
5. Đào Minh P, sinh năm 1990 (có văn bản xin vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre.
6. Huỳnh Văn K, sinh năm 1927 (có văn bản xin vắng mặt);
7. Lương Thị K, sinh năm 1935 (có văn bản xin vắng mặt);
8. Huỳnh Loan T, sinh năm 1997 (có văn bản xin vắng mặt);
9. Huỳnh Yên N, sinh năm 1999 (có văn bản xin vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
10. Tổng công ty điện lực M;
Trụ sở: số 72, Hai Bà T, phường B, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn H – Chức vụ Tổng giám đốc Công ty điện lực M.

Người đại diện theo ủy quyền: Huỳnh Tiến D, sinh năm 1979 – Chức vụ: Phó giám đốc Điện lực C – Công ty điện lực Tiền Giang (có văn bản xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 647, Quốc lộ M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 6295/UQ-EVN SPC ngày 16/8/2017).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Huỳnh Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn M trình bày:

Hiện ông đang đứng tên quyền sử dụng phần diện tích 3.419m², thửa số 1046, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp LQ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2009 do ông đại hộ đứng tên. Để đi vào đất thửa 1046 ông phải đi qua phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Lương Thị N1 thuộc thửa số 63, diện tích 1.084m². Lối đi này có từ trước năm 1975, lúc đó có nhiều hộ cùng đi, sau chỉ còn duy nhất hộ của ông đi. Đến năm 2005, anh Lương Văn M2 canh tác trên đất của bà N1, ông thương lượng mua lối đi này với giá 400.000 đồng, số tiền này anh M2 đã nhận và ông tiếp tục sử dụng lối đi. Nay anh M2 đào con mương ranh, lối đi này không cho ông đi. Ngoài lối đi này ông không còn lối đi nào khác ra đường công cộng. Nay ông yêu cầu bà N1 và các thành viên

trong hộ nhà bà N1 là Đào Văn L, Đào Thị Phương D, Đào Minh P và vợ chồng anh M2, chị N2 quản lý và canh tác trên đất của bà N1 phải mở cho hộ ông một lối đi có chiều ngang 1,5m tính từ mép nương kéo về hướng Bắc thuộc phần đất thửa 63 và chiều dài từ đất của ông đến đường đi chung mà các hộ dân đang đi, tổng diện tích 46,9m², vị trí như biên bản thẩm định ngày 17/5/2017. Lối đi cũ nằm tại vị trí giáp với đất ông Ngô Văn H nay đã đào thành con nương ranh. Yêu cầu mở lối đi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông M1 đồng ý đền bù giá trị đất thành tiền cho bà N1 theo giá Nhà nước quy định, không đồng ý bồi thường theo giá trị thực tế.

Đối với chi phí tố tụng là chi phí thẩm định và định giá, ông M1 yêu cầu giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Đối với trụ điện của Tổng công ty điện lực M mà hiện nay do điện lực huyện C đang quản lý, ông M1 yêu cầu di dời nhưng không chịu chi phí di dời và mặt bằng di dời trụ, khi nào có bản án của Tòa án thì thi hành theo bản án của Tòa. Đối với trụ điện của ông thì ông tự di dời.

Bị đơn bà Lương Thị N1 trình bày:

Vào ngày 02/10/2016 giữa bà và ông Ngô Văn H là chủ đất giáp ranh ở phía nam của thửa đất số 63 do bà đứng tên đại diện cho hộ quyền sử dụng đất. Hai bên có cắm mốc và đào nương nhỏ làm ranh, trước khi lấy ranh ông Ngô Văn H có mở lối đi mới cho hộ ông M1 đi nhưng hộ ông M1 không đi. Hiện tại hộ ông M1 đang sử dụng lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng của bà đúng như ông M1 trình bày. Nay bà đồng ý mở lối đi cho hộ ông M1, có diện tích chiều ngang 1,5m và dài từ giáp đường đi chung đến giáp phần đất của ông M1 nhưng theo vị trí cụ thể như sau:

- +Hướng Đông: Giáp đất ông Huỳnh Văn M1;
- +Hướng Tây: Giáp đường đan (đất của bà Ngô Thị N);
- +Hướng Nam: Giáp đất ông Ngô Văn H (trong đó có ½ nương ranh);
- +Hướng Bắc: Giáp phần đất còn lại của bà là thửa đất số 63.

(Theo biên bản thẩm định ngày 17/5/2017 và bản đồ địa chính khu đất ngày 07/7/2017).

Bà đồng ý nhận giá trị đền bù theo giá trị thực tế mà Hội đồng định giá ngày 17/5/2017 và ngày 06/9/2017 là 800.000 đồng/m², không nhận đền bù theo giá Nhà nước quy định là 50.000 đồng/m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn L, chị Đào Thị Phương D, anh Đào Minh P cùng trình bày: Không đồng ý mở lối đi cho ông M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn M2 và chị Lâm Thị Kim N2 cùng trình bày:

Vợ chồng anh chị hiện đang canh tác trồng sầu riêng tại phần đất thửa số 63 của cô ruột là bà Lương Thị N1. Vào năm 2005, ông M1 có hỗ trợ bơm một

ghe cát với giá là 400.000 đồng, tiền này do ông M1 đưa cho chủ ghe cát. Ông M1 bơm cát để hỗ trợ đường đi nhờ mà trước giờ ông M1 đã đi, anh không có nhận số tiền này nên anh không đồng ý hoàn trả số tiền này cho ông M1. Đối với yêu cầu mở lối đi của ông M1, vợ chồng anh thống nhất với ý kiến của bà Lương Thị N1 mở lối đi cho hộ ông M1 theo vị trí bà N1 đồng ý mở, không đồng ý mở lối đi theo vị trí mà ông M1 yêu cầu vì sẽ ảnh hưởng đến đất canh tác bị chia nhỏ lẻ, không liên lạc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn K, bà Lương Thị K, chị Huỳnh Loan T, chị Huỳnh Yến N cùng trình bày: Thống nhất với ý kiến của ông Huỳnh Văn M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Tiến D – Đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty điện lực M trình bày:

Công ty không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với trụ điện mà Công ty quản lý hiện nằm trên phần đất yêu cầu mở lối đi, nếu ai có yêu cầu di dời trụ điện thì phải chịu toàn bộ chi phí di dời và mặt bằng để di dời trụ điện.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Văn M1 về việc yêu cầu mở lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng đất của bà Lương Thị N1.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị N1 do anh Lương Văn M2 là người đại diện theo ủy quyền, mở cho ông M1 lối đi có tổng diện tích là 47m² (trong đó bao gồm vị trí số 1 là 15,7m² và vị trí số 2 là 31,3m² trên bản đồ địa chính khu đất ngày 07/7/2017) thuộc thửa số 63, loại đất trồng cây lâu năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lương Thị N1, có vị trí như sau:

+Hướng Đông: Giáp đất ông Huỳnh Văn M1;

+Hướng Tây: Giáp đường đan (đất của bà Ngô Thị N);

+Hướng Nam: Giáp với đất ông Ngô Văn H (trong đó có ½ nương);

+Hướng Bắc: Giáp với phần đất còn lại của bà Lương Thị N1.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông M1 phải đền bù cho bà N1 số tiền là 37.600.000 đồng (Ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng).

Hai bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 09/11/2017, ông Huỳnh Văn M1 có đơn kháng toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy hoặc sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với giá do Hội đồng định giá cấp sơ thẩm định giá phần đất tranh chấp là 800.000 đồng/m² và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng lấy trung bình cộng giữa giá Hội đồng định giá cấp sơ thẩm ngày 17/5/2017 và ngày 06/9/2017 là 800.000 đồng/m² với giá của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn (Sagonap) ngày 03/7/2018 là 462.000 đồng/m². Theo đó, giá của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra là 631.000 đồng/m² làm căn cứ đền bù phần lỗi đi cho bà N1. Ông Nguyễn Hoàng A đồng ý yêu cầu mở lối đi tại vị trí số 1 và số 2 theo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 07/7/2017; Phần lối đi ở vị trí số 1 hiện là con mương nên ông A yêu cầu giảm giá trị đền bù xuống còn 70% so với giá trên bờ là 442.000 đồng/m². Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn M2 và Lâm Kim N2 đồng ý với ý kiến của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn. Về án phí, các đương sự thỏa thuận chịu án phí theo quy định pháp luật. Về nghĩa vụ chịu chi phí định giá lại phần lối đi mà hai bên đang tranh chấp ông Nguyễn Hoàng A yêu cầu được giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn M1, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Văn L, Đào Thị Phương D, Đào Minh P, Huỳnh Văn K, Lương Thị K, Huỳnh Loan T, Huỳnh Yến N, Tổng công ty điện lực M có văn bản xin vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng A trình bày yêu cầu kháng cáo yêu cầu xác định nghĩa vụ chịu chi phí định giá lại phần lối đi tranh chấp. Xét thấy yêu cầu kháng cáo của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là vượt quá yêu cầu

kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đồng thời ông M1 kháng cáo không đồng ý với giá do Hội đồng định giá cấp sơ thẩm định giá phần đất tranh chấp là 800.000 đồng/m² và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng lấy trung bình cộng giữa giá Hội đồng định giá cấp sơ thẩm ngày 17/5/2017 và ngày 06/9/2017 là 800.000 đồng/m² với giá của Công ty Cổ phần Giám định Thẩm định Sài Gòn (Sagonap) ngày 03/7/2018 là 462.000 đồng/m². Từ đó, giá đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra là 631.000 đồng/m² làm căn cứ đền bù phần lỗi đi cho hộ bà Lương Thị N1. Ông Nguyễn Hoàng A đồng ý yêu cầu mở lỗi đi tại vị trí số 1 có diện tích 15,7m² và số 2, diện tích 31,3m² thuộc thửa đất số 63 theo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 07/7/2017 có vị trí như sau:

+Hướng Đông: Giáp đất ông Huỳnh Văn M1;

+Hướng Tây: Giáp đường đan (đất của bà Ngô Thị N);

+Hướng Nam: Giáp với đất ông Ngô Văn H (trong đó có ½ nương);

+Hướng Bắc: Giáp với phần đất còn lại của bà Lương Thị N1.

Phần lỗi đi ở vị trí số 1 hiện là con nương nên ông A yêu cầu giảm giá trị đền bù xuống còn 70% so với giá trên bờ (vị trí số 2) là 442.000 đồng/m². Do đó, tổng cộng nguyên đơn ông Huỳnh Văn M1 đồng ý đền bù cho bà Lương Thị N1 giá trị phần lỗi đi là: $(442.000 \text{ đồng/m}^2 \times 15,7\text{m}^2) + (631.000 \text{ đồng/m}^2 \times 31,3\text{m}^2) = 26.689.700 \text{ đồng}$. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh M2 và chị Lâm Kim N2 đồng ý cho ông Huỳnh Văn M1 mở lỗi đi ở vị trí số 1 và số 2 theo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 07/7/2017 với giá trị đền bù tại vị trí số 1 là 442.000 đồng/m², vị trí số 2 là 631.000 đồng/m² như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sự thỏa thuận trên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[3]Về án phí: Ông Huỳnh Văn M1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Lương Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn M1 phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: $26.689.700 \text{ đồng} \times 5\% = 1.334.485 \text{ đồng}$.

[4]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300, Điều 157, 165, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn M1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 18/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn M1 về việc yêu cầu mở lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng đất của bà Lương Thị N1.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị N1 do anh Lương Văn M2 là người đại diện theo ủy quyền, mở cho ông Huỳnh Văn M1 lối đi có tổng diện tích là 47m² (trong đó bao gồm vị trí số 1 là 15,7m² và vị trí số 2 là 31,3m² trên bản đồ địa chính khu đất ngày 07/7/2017) thuộc thửa số 63, loại đất trồng cây lâu năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lương Thị N1, có vị trí như sau:

+Hướng Đông: Giáp đất ông Huỳnh Văn M1;

+Hướng Tây: Giáp đường đản (đất của bà Ngô Thị N);

+Hướng Nam: Giáp với đất ông Ngô Văn H (trong đó có ½ nương);

+Hướng Bắc: Giáp với phần đất còn lại của bà Lương Thị N1.

(Có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Huỳnh Văn M1 phải đền bù cho bà N1 số tiền là 26.689.700 đồng (*Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm đồng*).

- Hai bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Ông M1 phải chịu 2.700.000 đồng tiền chi phí tố tụng, ông M1 đã nộp xong.

2. Về án phí:

Ông Huỳnh Văn M1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.334.485 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 1.634.485 đồng. Ông M1 đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 14221 ngày 13/3/2017 và biên lai thu số 14996 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

C, tỉnh Tiền Giang, cần trừ nên ông M1 phải nộp tiếp số tiền 1.034.485 đồng (*Một triệu không trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng*).

Bà Lương Thị N1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 30/8/2018 có mặt ông Nguyễn Hoàng A, anh Lương Văn M2, chị Lâm Kim N2.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Phòng KTNV & THA TAT; (để báo cáo)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Ngoan